

KẾ HOẠCH

**Đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 và các năm tiếp theo
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Để kịp thời triển khai hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn cấp huyện nói riêng và địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung, theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 05/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với một số nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đấu giá quyền sử dụng đất nhằm khai thác có hiệu quả quỹ đất, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của người dân và doanh nghiệp, tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phúc lợi xã hội.

- Đấu giá quyền sử dụng đất góp phần giải quyết nhu cầu về nhà ở, nâng cao chất lượng nhà ở của nhân dân; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu đất đấu giá góp phần hoàn chỉnh các khu đô thị mới, các khu dân cư tại khu vực nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất phải được thực hiện đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch; kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, ngăn chặn hành vi lợi dụng đấu giá quyền sử dụng đất để gây nhiễu loạn thị trường, trục lợi.

- Tổ chức được giao thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trong quá trình tham mưu xây dựng phương án đấu giá phải đảm bảo quỹ đất đủ điều kiện để tổ chức đấu giá theo quy định của Luật Đất đai; thể hiện đầy đủ thông tin về các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng để đơn vị trúng đấu giá triển khai thực hiện dự án theo quy định; lựa chọn hình thức đấu giá, bước giá phù hợp với từng cuộc đấu giá.

- Chấp hành nghiêm, tuân thủ Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan trong xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, giám sát quá trình tổ chức đấu giá, tham dự cuộc đấu giá, giao tài sản

cho người trúng đấu giá hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy kết quả trúng đấu giá theo quy định.

- Các tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản trong công tác tổ chức cuộc đấu giá từ đăng thông báo bán đấu giá, tiếp nhận hồ sơ người tham gia đấu giá, tổ chức cuộc đấu giá.

II. KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Tổng số các khu đất đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 và các năm tiếp theo là 105 khu đất/781,94 ha, ước tính giá trị khoảng 12.901,67 tỷ đồng (tạm tính theo bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020-2024), trong đó: các khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên là 40 khu đất/746,12 ha và các khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng là 65 khu đất/35,83 ha.

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai tổ chức đấu giá

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai thực hiện trong năm 2022 và các năm tiếp theo đối với 42 khu đất/746,53 ha, ước tính giá trị khoảng 13.303,21 tỷ đồng (tạm tính theo bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020-2024), bao gồm:

- Đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2022 là: 15 khu đất/157,61 ha, ước tính giá trị khoảng 2.842,11 tỷ đồng (tạm tính theo bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020-2024). Trong đó, có 01 khu đất Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện các thủ tục để bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai (*khu đất Chợ Nông sản Dầu Giây - giai đoạn 2*); các khu đất còn lại đã có quyết định của UBND tỉnh thu hồi đất để giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, xây dựng phương án đấu giá quyền sử dụng đất, đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật đấu giá tài sản để đưa ra tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất. Cụ thể:

+ Có 13/157,19 ha có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên;

+ Có 02/0,42 ha có giá trị dưới 20 tỷ đồng (do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện tổ chức đấu giá dở dang).

(đính kèm phụ lục I)

- Đấu giá quyền sử dụng đất các năm tiếp theo là: 27 khu đất/588,92 ha, ước tính giá trị khoảng 10.461,1 tỷ đồng (tạm tính theo bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020-2024). Quỹ đất này có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên chưa đủ điều kiện đấu giá hoặc đất đang do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp, UBND cấp xã quản lý, sử dụng (chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai).

(đính kèm phụ lục II)

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện tổ chức đấu giá đối với các khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng:

Giao UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa chỉ đạo các Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện và đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trình UBND cấp huyện phê duyệt để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định đối với 63 khu đất/35,41 ha, ước tính giá trị khoảng 353,94 tỷ đồng (tạm tính theo bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2020-2024), trong đó:

+ Có 36 khu đất/8,6 ha do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương tại văn bản số 14320/UBND-KTNS ngày 18/11/2021 thu hồi đất, chuyển giao về cho Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện quản lý, đấu giá;

+ Có 27 khu đất/26,81 ha đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; lập thủ tục thu hồi đất; đất do đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện đang quản lý (Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện, UBND cấp xã).

(đính kèm phụ lục III)

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện		Hình thức thực hiện
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Khảo sát vị trí, rà soát các khu đất dự kiến đấu giá, làm việc với Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất kế hoạch đấu giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	Tháng 01/2022	Tháng 4/2022	Theo quy định
2	Hoàn thiện các thủ tục để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	Tháng 5/2022	Tháng 12/2022	Theo quy định

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022 và các năm tiếp theo. Chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai phối hợp các Sở, ngành xây dựng phương án đấu giá, lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đấu giá; lập hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm để đấu giá; trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, quyết định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

- Chủ trì thực hiện thẩm định điều kiện năng lực giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

- Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Kiểm tra việc sử dụng đất của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch, đúng tiến độ hoặc phương án sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định giá khởi điểm.

- Góp ý phương án đấu giá quyền sử dụng đất, cử đại diện tham dự các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

- Phối hợp thực hiện thẩm định điều kiện năng lực giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền thu được từ hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Cung cấp chỉ tiêu, thông tin quy hoạch xây dựng, tổng mức đầu tư dự án sử dụng đất, nhu cầu bố trí nhà ở xã hội theo quy định;

- Góp ý phương án đấu giá quyền sử dụng đất, cử đại diện tham dự các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

- Phối hợp thực hiện thẩm định điều kiện năng lực giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai 2013.

- Hướng dẫn người trúng đấu giá lập các thủ tục liên quan lĩnh vực của Luật Xây dựng;

- Kiểm tra việc xây dựng công trình của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch hoặc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá đảm bảo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan; Kịp thời xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm của các tổ chức đấu giá trên địa bàn tỉnh; Chủ trì tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Góp ý phương án đấu giá quyền sử dụng đất, cử đại diện tham dự các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

- Phối hợp thực hiện thẩm định điều kiện năng lực giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai 2013.

5. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành chủ

trương đầu tư dự án đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

- Phối hợp thực hiện thẩm định điều kiện năng lực giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai 2013.

6. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

- Góp ý phương án đấu giá quyền sử dụng đất, cử đại diện tham dự các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

- Xác định nghĩa vụ tài chính và gửi đến người trúng đấu giá thực hiện theo quy định.

- Xác định số tiền phạt chậm nộp thuế theo quy định và gửi đến người trúng đấu giá (nếu có).

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Cử đại diện tham dự cuộc đấu giá quyền sử dụng đất; phối hợp bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá.

- Kiểm tra việc xây dựng công trình của người trúng đấu giá đảm bảo đúng quy hoạch hoặc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai yêu cầu Giám các Sở, ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời giải quyết, đảm bảo hoàn thành và phấn đấu vượt kế hoạch đấu giá năm 2022 và các năm tiếp theo.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, TP, TC, XD, KHĐT, Cục thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU ĐẤT ĐAU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH ĐỒNG NAI THỰC HIỆN**

Memento Kế hoạch số: 105/KH-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDP đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Các khu đất có giá trị trên 20 tỷ đồng				1.012.527,0	-	-	2.523.054.787.680,0		
1.1	Thành phố Biên Hòa				20.644,5			410.224.080.000		
1	1 Khu đất Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai (Khu Trung cao) - Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ - Ban tôn giáo (cũ)	Quyết Thắng	137,31	13	5.739,4	Đất ở tại đô thị + Đất thương mại dịch vụ	Đất ở + Đất thương mại dịch vụ	158.366.880.000	- Đã được UBND tỉnh ban hành phương án đầu giá nhưng hiện nay các quy định về tổ chức đầu giá; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã thay đổi. - Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang xây dựng lại phương án đầu giá; Xây dựng chủ trương đầu tư để tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh ban hành	
2	2 Khu đất thu hồi của Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng Đồng Nai (tập Lido)	Quyết Thắng	21,22,105	16	2.194,2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	45.990.000.000	- Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
3	3 Khu đất Bến thuyền Nguyễn Văn Trị	Thanh Bình	620	5	2.315,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	48.615.000.000	- Chờ UBND tỉnh ban hành Quyết định giao lại một phần diện tích cho UBND TP. Biên Hòa; - Xây dựng phương án đầu giá (phần diện tích còn lại); - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương (phần diện tích còn lại).	
4	4 Thửa đất số 224 tờ bản đồ số 35 phường Tân Phong	Tân Phong	224	35	3.032,00	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	51.804.100.000	- Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
5	5 Thửa 19, tờ 22 (Khu đất công ty Cư Hùng), phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa	Tân Hiệp	19	22	7.363,90	Đất ở dự án	Đất ở dự án	105.448.100.000	- Đã tổ chức đầu giá nhưng không thành do không có người đủ điều kiện tham gia; - Xây dựng lại phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
1.2	Huyện Cẩm Mỹ				0,0			-		
6	1 Khu đất cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao	26,38,24	1 2	559324,7	Đất cụm công nghiệp	Đất cụm công nghiệp	309.262.350.000	- UBND tỉnh đã ban hành phương án đầu giá; Tuy nhiên, hiện trạng sử dụng đất (phần đường điện 110KV) có sự sai khác so với hướng tuyến thiết kế theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Chờ UBND huyện tham mưu điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 của khu đất;	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu tư	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1.3	Huyện Long Thành	Xuân Đường	3,7,13 678	3 11				506.184.957.120	- Xây dựng lại phương án đầu tư giá trị UBND tỉnh ban hành; Lập lại dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
7	Khu đất đầu tư diện tích khoảng 36,77 ha tại xã Long Đức	Long Đức	nhiều thửa	5,17,18	367.690,1	Đất ở tại nông thôn	Đất ở dự án	506.184.957.120	- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 có thay đổi (tăng diện tích đất giao thông, giảm diện tích đất ở); - Số Tài nguyên và Môi trường đang lấy ý kiến các đơn vị về cơ cấu sử dụng đất và nhu cầu bố trí 20% diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội để báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo; - Hoàn thiện Phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	
1.4	Huyện Thống Nhất				581.327,30			1.328.439.196.000	- Đã tổ chức đấu giá nhưng không thành do không có người tham gia (đấu giá mục đích Thương mại dịch vụ); - Hiện Quy hoạch sử dụng đất và Quy hoạch đồ thị Dầu Giây Chưa thống nhất. Nền cho Quy hoạch xây dựng thị trấn Dầu Giây được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đối với khu đất được đề xuất điều chỉnh mục đích quy hoạch thành đất ở dự án để tổ chức đấu giá; - Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	
8	1 Thửa đất số 1587, tờ bản đồ số 18 thị trấn Dầu Giây	TT Dầu Giây	1587	18	46.523,5	Đất ở dự án	Đất ở dự án	171.585.428.000		
9	2 Khu đất Chơ nông sản Dầu Giây giai đoạn 2	Bàu Hàm 2	37,39,28,29,32	80	487.633,8	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.020.734.568.000	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ; - Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
10	3 Khu đất Hồ Sen	Hưng Lộc	100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 4.26, 27, 28, 29, 30, 31	28, 33	47.170,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	136.119.200.000	- Đã tổ chức đấu giá nhưng không thành do không có người tham gia - Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
1.5	Huyện Trảng Bom				42.865,1	-	-	278.206.554.560,0	- UBND tỉnh đã ban hành phương án đấu giá. Tuy nhiên, hiện nay quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt nên phải cập nhật lại thông tin, trình UBND tỉnh chỉnh sửa, bổ sung phương án đấu giá; - Liên hệ Sở Xây dựng về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đồng Nai; Sở KHĐT về tiến độ thẩm định trình duyệt chủ trương đầu tư.	
11	1 Khu đất Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp ở tại thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	1.2	35	21.727,8	Đất ở tại đô thị + Đất thương mại dịch vụ	Đất ở + Đất thương mại dịch vụ	205.449.385.680	- Đã tổ chức đấu giá nhưng không thành do không có người tham gia; - Xây dựng lại phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
12	2 Thửa 61, tờ 29 (Khu đất Công ty Minh Huế)	Trảng Bom	61	29	12.387,60	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	24.633.818.880	- Xây dựng phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
13	3 Khu đất thu hồi công ty Cổ phần Đồng Tiến	Trảng Bom	7	33	8.749,70	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	48.123.350.000	- Xây dựng phương án đấu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
II	Các khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng				4.221,8			9.789.000.000		
2.1	Thành phố Biên Hòa				105,8			952.200.000		
14	1 Thửa đất số 41 tờ bản đồ số 60	Tân Biên	41	60	105,80	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	952.200.000	- Tổ chức lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản; - Tổ chức cuộc đấu giá	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện đồ đang
2.2	Huyện Cẩm Mỹ				4.116,00			8.836.800.000		
15	1 Thửa đất số 360 tờ bản đồ số 2	Long Giao	360	2	4.116,00	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	8.836.800.000	- Xây dựng lại phương án đấu giá trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh; - Tổ chức đấu giá.	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện đồ đang
Tổng (I+II)					1.016.748,80			2.532.843.787.680		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU ĐẤT ĐAU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC NĂM TIẾP THEO
DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THỰC HIỆN**

Hợp theo Kế hoạch số: 105/KH-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai



TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m2)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Dự kiến thời gian đầu giá	Nội dung thực hiện	Ghi chú
1	Huyện Cẩm Mỹ				343.081,5			209.536.000.000			
1	Khu dân cư số 1 (còn lại)	TT Long Giao	một phần thửa 330	2	343.081,50	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	209.536.000.000		- UBND huyện Cẩm Mỹ đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai xây dựng phương án đầu giá; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành.	Đất do UBND thị trấn Long Giao quản lý
2	Huyện Định Quán				483.057,70			101.442.117.000			
2	1	Cum Công nghiệp Phú Túc	Phú Túc		483.057,70	Đất cum công nghiệp	Đất cum công nghiệp	101.442.117.000		- Sau khi UBND huyện Định Quán hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, tổ chức đầu giá	- Chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; - Đất của hộ gia đình, cá nhân
3	Thành phố Long Khánh				1.033.306,0			1.868.626.725.000			
3	1	Thửa đất số 840 tờ bản đồ số 9	Bảo Vinh	9	13.306,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	20.626.725.000		- UBND TP Long Khánh đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai xây dựng phương án đầu giá; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	Đất nằm trong Khu Tái định cư Bảo Vinh, do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Long Khánh quản lý
4	2	Cum Công nghiệp Hàng Gòn	Hàng Gòn		700.000,0	Đất cum công nghiệp	Đất cum công nghiệp	504.000.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Long Khánh; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Đồng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
5	3	Khu Dân cư và Tái định cư Xuân Tân	Xuân Tân		320.000,0	Đất ở dự án	Đất ở dự án	1.344.000.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Long Khánh; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp quản lý, sử dụng
4	Huyện Long Thành				62.254,80			455.328.384.000			
6	1	Khu đất đầu giá theo quy hoạch tại xã Long Đức	Long Đức	1	40.254,80	Đất ở	Đất ở dự án	405.768.384.000		- Xây dựng lại phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang quản lý

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Dự kiến thời gian đầu giá	Nội dung thực hiện	Chú chú
7	2 Dự án chợ Tam An	Tam An	22, 99, 100	29	22.000,00	Đất chợ, Đất ở	Đất chợ, Đất ở	49.560.000.000	Đất thương mại dịch vụ	- UBND huyện Long Thành đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai xây dựng phương án đầu giá. - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành.	Đất do UBND xã Tam An quản lý
5	Huyện Thống Nhất				3.804.885,81			6.992.651.936.720			
8	1 Khu dân cư số 8 thị trấn Dầu Giây (Khu đất thu hồi đất trường ĐH Lạc Hồng)	TT. Dầu Giây	1	68	19.059,40	Đất ở đô thị	Đất ở dự án	104.770.000.000		- Cho Quy hoạch xây dựng thị trấn Dầu Giây được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đối với khu đất được đề xuất điều chỉnh mục đích quy hoạch thành đất ở dự án để tổ chức đầu giá. - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành, Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, chưa phù hợp quy hoạch xây dựng là đất ở dự án
9	2 Cụm CN Quang Trung 1	Quang Trung	102, 100, 103, 99, 104, 105, 106, 98, 90,93,94,95, 96, 101, 183, 26	29 37	743.427,88	Cum công nghiệp	Cum công nghiệp	504.000.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
10	3 Khu dân cư số 1 xã Bầu Hàm 2	Bầu Hàm 2	8,9,663 1,2,49,12, 58	84 85	729.739,31	Đất ở nông thôn	Đất ở nông thôn	2.109.680.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
11	4 Khu dân cư số 2 xã Bầu Hàm 2	Bầu Hàm 2	17,23,26, 28,40, 41	86	697.943,22	Đất ở nông thôn	Đất ở nông thôn	1.941.780.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
12	5 Khu dân cư số 1 thị trấn Dầu Giây	TT. Dầu Giây	1,2,1604	18	325.934,37	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	704.000.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
13	6 Khu dân cư số 4 thị trấn Dầu Giây	TT. Dầu Giây	18,19, 20,1479, 1605	18	154.631,80	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	264.000.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
14	7 Khu dân cư B1	TT. Dầu Giây	48 13, 15, 16, 20, 21, 23, 399,400,402, 552, 553	70 57	931.488,80	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	860.249.886.720		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất;	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất;

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDĐ đến năm 2030	Mục đích đầu tư	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Dự kiến thời gian đầu tư	Nội dung thực hiện	Ghi chú
		Hưng Lộc	2,3,4,5,8,9,4 14,415,416, 422,423,395	1						- Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
15	8 Khu dân cư số 9 thị trấn Dầu Giây	TT Dầu Giây	17.401	57	42.037,96	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	144.560.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
16	9 Khu dân cư số 10 thị trấn Dầu Giây	TT Dầu Giây	24	57	41.557,54	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	138.010.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
17	10 Trường dạy lái xe	TT Dầu Giây	401	57	20.364,19	Đất cơ sở giáo dục	Đất cơ sở giáo dục	54.470.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
18	11 Trung tâm kiểm định	TT Dầu Giây	1	20	20.312,98	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	57.360.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
19	12 Trung tâm sát hạch lái xe	TT Dầu Giây	1	20	19.863,86	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	57.100.000.000		- Chưa có chủ trương thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; - Chưa có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thống Nhất; - Chưa bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
20	13 Khu dân cư Bầu Hàm 2	TT Dầu Giây	57	7	58.524,50	Đất ở đô thị	Đất ở dự án	52.672.050.000		- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu tư giải trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng
6	Huyện Trảng Bom				162.656,2	-	-	833.514.612.000,0		- Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang quản lý
21	1 Khu dân cư (khu đất thu hồi đất của công ty Xuân Thủy)	Thị trấn Trảng Bom	nhieu thửa	28	13.009,0	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	54.637.800.000		- Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang quản lý
22	2 Khu đất đầu tư theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (Khu đất thu hồi đất của công ty Sonadez)	Thị trấn Trảng Bom	222	14	6.435,20	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	39.640.832.000		- Xây dựng phương án đầu tư trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang quản lý

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	QHSDD đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Dự kiến thời gian đầu giá	Nội dung thực hiện	Ghi chú
23	3 Khu dân cư theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom (khu đất 1,2ha thị trấn Trảng Bom)	Thị trấn Trảng Bom	nhiều thửa	12,14 37	11.584,30	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	76.456.380.000		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Một phần đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng.
24	4 Khu đất đầu giá theo quy hoạch	Thị trấn Trảng Bom	33,44,45,51, 1038	12	35.028,00	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	140.112.000.000		Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; - Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng.
25	5 Khu đất đầu giá theo quy hoạch	Thị trấn Trảng Bom	38,39,40,41, 42,43,47,48, 49,50,52,10 26	12	55.692,00	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	278.145.000.000		- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng.
26	6 Khu đất đầu giá theo quy hoạch tại thị trấn Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	282,272,271 ,296,268,27 5,91,283,25 7,269,292 146,147	12 30 31	35.160,00	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	198.000.000.000		- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng.
27	7 Thửa đất số 145 và 14 tờ bản đồ số 31	Thị trấn Trảng Bom	145, 14	31	5.747,70	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	46.522.600.000		- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai đang thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; - Xây dựng phương án đầu giá trình UBND tỉnh ban hành; Lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.	- Chưa bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất; - Một phần đất do Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng.
Tổng					5.889.242,01			10.461.099.774,720			

Phụ lục III



BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU ĐẤT ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO
DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT CẤP HUYỆN THỰC HIỆN
Kèm theo Kế hoạch số: 105/KH-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Ghi chú
I	Thành phố Biên Hòa				5.916,3			66.959.410.000	
	Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 20 phường An Bình	An Bình	40	20	193,5	Đất ở	Đất ở	1.354.500.000	
	Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 33 phường An Hòa	An Hòa	217	33	2.646,9	Đất ở	Đất ở	18.522.000.000	
	Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 23 phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	76	23	126,6	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	886.200.000	
	Thửa đất số 104, tờ bản đồ 23 phường Bửu Hòa	Bửu Hòa	104	23	116,5	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.794.100.000	
	Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 11 phường Hòa Bình	Hòa Bình	222	11	62,6	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	1.940.600.000	
	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 36 phường Long Bình Tân	Long Bình Tân	49	36	1.809,3	Đất ở	Đất ở	14.000.000.000	
	Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 18 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	102	18	115,3	Đất ở	Đất ở	3.574.300.000	
	Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 21 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	26	21	168,3	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	3.652.110.000	
	Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 1 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	5	1	258,3	Đất ở	Đất ở	9.815.400.000	
	Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 29 phường Tam Hiệp	Tam Hiệp	62	29	98,9	Đất ở	Đất ở	868.000.000	
	Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 5 phường Thanh Bình	Thanh Bình	558	5	217,1	Đất ở	Đất ở	6.947.200.000	
12	Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 2 phường Thống Nhất	Thống Nhất	83	2	103,0	Đất ở	Đất ở	3.605.000.000	
II	Huyện Cẩm Mỹ				54.035,0	-	-	89.566.360.000	
13	1 Khu đất TMDV giáp bến xe huyện	TT. Long Giao	69	3	3.040,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	2.979.200.000	
14	2 Thửa đất số 355 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	355	2	8.049,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	15.776.040.000	
15	3 Thửa đất số 357 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	357	2	11.688,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	7.991.872.000	
16	4 Thửa đất số 356 tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	356	2	8.469,0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	12.140.800.000	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m2)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Mục đích đấu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Ghi chú	
17	5	Khu đất thu hồi Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam	TT. Long Giao	61	2	3.567.8	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	18.700.800.000	
18	6	Thửa đất số 35a tờ bản đồ số 02	TT. Long Giao	35a	2	5.420.0	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	13.550.400.000	
19	7	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 48	TT. Long Giao	44	48	5.723.1	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	11.235.023.000	
20	8	Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 42	Sông Ray	101	42	668.5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	2.005.500.000	
21	9	Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	41	56	240.5	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	168.350.000	
22	10	Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	59	56	1.803.0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	1.262.100.000	
23	11	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 56	Sông Nhạn	60	56	5.366.1	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	3.756.270.000	
III	Huyện Định Quán				183.464.2	-	-	48.465.215.600		
24	1	Khu đất giáp khu du lịch thác Ba Giọt, xã Phú Vinh	Phú Vinh	85A, 86, 88, 89	5	7.497.5	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	905.700.000	
25	2	Khu đất giáp UBND xã Phú Vinh	Phú Vinh	223	48	1.355.6	Đất sản xuất kinh doanh	Đất sản xuất kinh doanh	2.440.080.000	
26	3	Khu đất giáp công viên 17/3	TT Định Quán	1030	14	6.000.0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	13.020.000.000	
27	4	Khu đất Trăm y tế Ngọc Định	Ngọc Định	61	59	2.566.3	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	2.457.621.600	
28	5	Khu đất (trường Mạc Đình Chi cũ)	Túc Trung	246	56	594.2	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	3.326.400.000	
29	6	Khu Đồi du lịch	La Ngà			1.612.6	Đất giao thông	Đất giao thông		
30	7	Điểm du lịch Bàu nước sôi	Gia Canh			77.757.0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	16.866.794.000	
31	8	Khu Du lịch Thác Mai	Gia Canh			56.711.0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	6.805.320.000	
IV	Thành phố Long Khánh				37.713.9	-	-	32.300.667.940		
32	1	Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 03	Xuân Bình	133	3	9.260.2	Đất ở, Đất thương mại dịch vụ	Đất ở, Đất thương mại dịch vụ	15.784.308.900	
33	2	Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	206	9	5.234.0	Đất giáo dục	Đất giáo dục	3.517.248.000	
34	3	Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	207	9	11.372.0	Đất giáo dục	Đất giáo dục	6.182.951.040	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m2)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Mục đích đấu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Ghi chú
35	4 Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 09	Bảo Vinh	209	9	11.445.0	Đất thổ thao	Đất thổ thao	4.394.880.000	
36	5 Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 01	Xuân Bình	92	1	190.1	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	532.280.000	
37	6 Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 07	Xuân Bình	235	7	100.0	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	200.000.000	
38	7 Thửa 178, tờ bản đồ số 10	Xuân Bình	178	10	112.6	Đất ở đô thị	Đất ở đô thị	1.689.000.000	
V	Huyện Long Thành				5.252.6			15.069.830.000	
39	1 Khu đất xí nghiệp khai thác đá 1 (cũ)	Long An	154	41	710.5	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	4.623.000.000	
40	2 Thửa đất số 53 tờ bản đồ số 25 xã Long An	Long An	53	25	4.542.1	Đất ở	Đất ở	10.446.830.000	
VI	Huyện Tân Phú				2.751.0			2.282.400.000	
41	1 Thửa đất số 191 tờ bản đồ số 18	Phú Điền	191	18	430.0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	193.500.000	
42	2 Thửa đất số 664 tờ bản đồ số 4	Nam Cát Tiên	664	4	2.321.0	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	2.088.900.000	
VII	Huyện Thống Nhất				18.810.3	-	-	29.612.910.000	
43	1 Thửa đất số 31 tờ bản đồ số 18 thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	31	18	1.084.9	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	3.822.910.000	
44	2 Thửa đất số 203 tờ bản đồ số 1 thị trấn Dầu Giây	Gia Tân 2	203	1	1.418.2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.680.000.000	
45	3 Khu đất thương mại dịch vụ thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	26	13	10.420.0	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	15.290.000.000	
46	4 Khu đất thương mại dịch vụ thị trấn Dầu Giây	TT.Dầu Giây	645	13	5.887.2	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	8.820.000.000	
VIII	Huyện Trảng Bom				21.741.4			14.685.540.000	
47	1 Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 04	Bàu Hàm	285	4	1.670.80	Đất thương mại dịch vụ	Đất thương mại dịch vụ	1.754.340.000	
48	2 Cụm làng nghề gỗ mỹ nghệ tại xã Bình Minh	Bình Minh	421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 520	10	20.070.60	Cụm làng nghề mỹ nghệ	Cụm làng nghề mỹ nghệ	12.931.200.000	
IX	Huyện Vĩnh Cửu				9.183.0	-	-	25.937.050.000	
49	1 Thửa đất số 412 tờ bản đồ số 5	Bình Lợi	412	5	619.7	Đất ở	Đất ở	1.623.250.000	
50	2 Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 40	Thị trấn Vĩnh An	194	40	1.524.0	Đất ở	Đất ở	2.286.000.000	
51	3 Thửa đất số 138 tờ bản đồ số 10	Bình Lợi	138	10	341.7	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	956.760.000	

TT	Tên khu đất	Cấp xã	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích khu đất (m2)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	Mục đích đầu giá	Giá trị theo bảng giá đất (đồng)	Ghi chú
52	4	Thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29	Hiếu Liêm	111	29	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	1.483.301.000	
53	5	Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 55	Thị trấn Vĩnh An	123	55	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	19.587.750.000	
X	Huyện Xuân Lộc				15.192,6			29.064.035.000	
54	1	Khu thương mại dịch vụ (thửa 97 tờ bản đồ số 27)	TT. Gia Ray	97	27	Thương mại dịch vụ	Thương mại dịch vụ	2.976.000.000	
55	2	Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 16	Suối Cát	66	16	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	231.000.000	
56	3	Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 26 xã Suối Cát	Suối Cát	24	26	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	17.825.500.000	
57	4	Thửa đất số 10, 22, 53 và 72 tờ bản đồ số 8 thị trấn Gia Ray	TT Gia Ray	10,22,53	72, 8				
58	5	Thửa đất số 77 tờ bản đồ số 8 xã Xuân Hiệp	Xuân Hiệp	77	8	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	2.310.600.000	
59	6	Thửa đất số 50 tờ bản đồ số 40 xã Xuân Phú	Xuân Phú	50	40	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	530.915.000	
60	7	Thửa đất số 57 tờ bản đồ số 38 xã Xuân Phú	Xuân Phú	57	38	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	1.198.560.000	
61	8	Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 46 xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	6	46	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	3.073.840.000	
62	9	Thửa đất số 488 tờ bản đồ số 110 xã Xuân Tâm	Xuân Tâm	488	110	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	210.870.000	
63	10	Thửa đất số 145 tờ bản đồ số 35 xã Xuân Trường	Xuân Trường	145	35	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại nông thôn	706.800.000	
Tổng					354.060,3			353.943.418.540	